

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN KỲ  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2024

“*V/v tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN KỲ, TỈNH NGHỆ AN**

**Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Giáp.

2. Bà Nguyễn Thị Phúc.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Thanh Bình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Thái Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Kỳ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ Hôn nhân gia đình lý số: 61/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 05 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày: 17 tháng 5 năm 2000; trú tại: thôn C, xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên toà.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh ngày: 7 tháng 11 năm 1995; trú tại: xóm D, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên toà.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2024 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T1 đăng ký kết hôn ngày 20/02/2020 theo quy định của pháp luật tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau.

Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đến tháng 10 năm 2021 thì vợ chồng ly thân đến nay không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau nữa. Nay chị T nhận thấy tình cảm của chị đối với anh Nguyễn Văn T1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 người con chung là Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 18/9/2020, sau khi ly thân cho đến nay con đang ở với chị. Nay ly hôn, chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành và không yêu cầu anh Nguyễn Văn T1 cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không vay ai và cũng không cho ai vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T1, giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án làm các thủ tục tổng đạt các giấy tờ, văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Nguyễn Văn T1 vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể lấy ý kiến và xem xét đến nguyện vọng của anh Nguyễn Văn T1 được.

Tại biên bản xác minh ngày 05/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An thể hiện, anh Nguyễn Văn T1 đã biết việc chị Nguyễn Thị T đã làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ và đã được Tòa án thụ lý giải quyết nhưng anh T1 vẫn không đến làm việc tại Tòa án và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS; việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 28, Điều 35 Điều 39 BLTTDS; Việc tổng đạt các văn bản cho các đương sự tham tố tụng thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi nghĩa vụ của họ. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, quyết định xét xử cho anh Nguyễn Văn T1 nhưng anh T1 vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 theo các điều 227, 228 BLTTDS là có cơ sở.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 71, 72, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và

điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, điều 208, điều 220, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 18/9/2020 cho chị Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho tới khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn T1 do chị Nguyễn Thị T chưa có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến trình bày của nguyên đơn, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Nguyễn Văn T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm D, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An nên căn cứ tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý Toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác cho anh Nguyễn Văn T1 đúng quy định tại các điều 208, 220 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T1 đều không hợp tác và vắng mặt không có lý do nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt anh T1 là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình trạng hôn nhân: Xét cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1 là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/2020 theo quy định của pháp luật tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng chung sống được với nhau một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không phù hợp, dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay. Nay chị T kiên quyết xin ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa chị T và anh T1 đã thực sự không còn, hai bên không quan tâm đến cuộc sống chung của nhau nữa, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận

yêu cầu của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 18/9/2020. Hiện nay con đang ở cùng với chị Nguyễn Thị T tại thôn C, xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An. Sau ly hôn, nguyện vọng được tiếp tục nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành và không yêu cầu anh Nguyễn Văn T1 cấp dưỡng tiền nuôi con.

Căn cứ vào tình trạng thực tế của chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn T1. Nguyện vọng của chị Nguyễn Thị T là chính đáng cần được chấp nhận.

[5] Về quan hệ tài sản chung và các quyền nghĩa vụ liên quan đến tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

*Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 18/9/2020 cho chị Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho tới khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn T1 do chị Nguyễn Thị T chưa có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*Về quan hệ tài sản chung và các quyền nghĩa vụ liên quan đến tài sản:*  
Không xem xét giải quyết.

*Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000110 ngày 10/5/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí Dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/8/2024). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại nơi cư trú của bị đơn.

**Nơi nhận:**

- TAND, Sở Tư Pháp tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Tân Kỳ;
- Dương sự;
- UBND xã Nghĩa Đông Tân Kỳ;
- THA DS huyện Tân Kỳ;
- Lưu: hồ sơ; VP/TA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thu Hương**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Văn Giáp**

**Nguyễn Thị Phúc**

**Nguyễn Thị Thu Hương**